



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 04/2024

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	1
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý..	2
4. Định hướng phát triển	2
5. Các rủi ro.....	3
II. Tình hình hoạt động trong năm	4
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	4
2. Tổ chức và nhân sự.....	4
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	6
4. Tình hình tài chính	7
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	8
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	9
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2. Tình hình tài chính	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	18
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	20
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	20
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	21
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	22
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	23
V. Quản trị Công ty	24
1. Hội đồng quản trị.....	24
2. Ban Kiểm soát	31
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.....	34
VI. Báo cáo tài chính	36
1. Ý kiến kiểm toán.....	36
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	38

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI Năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cát Lợi.
- Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004) với mã số doanh nghiệp là 0303185504.
- Vốn điều lệ: 262.075.830.000 VND.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 262.075.830.000 VND.
- Địa chỉ: 934 D2 Đường D, Khu CN Cát Lái (Cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM.
- Số điện thoại: 028.37421118
- Số fax: 028.37420923
- Website: www.catloi.com.vn
- Mã cổ phiếu: CLC
- Quá trình hình thành và phát triển:

⚡ Công ty cổ phần Cát Lợi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp in bao bì và phụ liệu thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/03/2004 theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103002106 ngày 19/02/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/12/2021 với mã số doanh nghiệp là 0303185504.

⚡ Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCK-GPNY ngày 18/10/2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và cổ phiếu được giao dịch chính thức kể từ ngày 16/11/2006 đến nay.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: In bao bì, sản xuất cây đầu lọc và phụ liệu thuốc lá.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty cung cấp sản phẩm cho tất cả các Công ty sản xuất thuốc lá điều trong cả nước từ Bắc tới Nam và xuất khẩu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

Công ty thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.
- Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
- Các cán bộ quản lý.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc.
- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Tài chính - Kế toán.
- Phòng Kế hoạch - Vật tư.
- Phòng Tiêu thụ - Thị trường.
- Phòng Kỹ thuật.
- Kho.
- Phân Xưởng In.
- Phân Xưởng Cây đầu lọc.

c. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Liên tục đổi mới, đồng hành gắn kết với khách hàng và phát triển bền vững, giữ vững là Công ty hàng đầu trong nước về lĩnh vực sản xuất và cung cấp phụ liệu thuốc lá như nhãn in, giấy sếp, cây đầu lọc;
- Sử dụng hiệu quả nguồn lực của Công ty;
- Nâng cao giá trị của Công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và thu nhập của cán bộ, công nhân viên Công ty hàng năm tăng trưởng;
- Sản phẩm của Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh, được khách hàng ưa chuộng, tin tưởng và sử dụng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt mục tiêu đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Tiếp tục tái đầu tư thiết bị công nghệ mới nhất nhằm giảm thiểu tác hại của thuốc lá đến sức khỏe người tiêu dùng như các thiết bị đục lỗ giấy sập, thiết bị sản xuất đầu lọc than hoạt tính, thiết bị sản xuất đầu lọc capsules, thiết bị in nhiều màu để in cảnh báo sức khỏe bằng hình ảnh trên bao bì... Các thiết bị này sẽ được Công ty xem xét và phân kỳ đầu tư nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường;
- Lựa chọn các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển của từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả;
- Chú trọng sự hợp tác, từng bước mở rộng sự phát triển của Công ty liên doanh sản xuất bao bì được Công ty góp vốn thành lập từ đầu năm 2024, góp phần vào định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty trong việc mở rộng lĩnh vực hoạt động sản xuất bao bì hàng tiêu dùng ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau không chỉ riêng bao bì thuốc lá;
- Tiếp tục nghiên cứu mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như mua bán, sát nhập doanh nghiệp, liên doanh, hợp tác đầu tư, thành lập thêm các Công ty con tại các vùng miền khác nhau để phát triển.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Sản phẩm của Công ty được các cơ quan kiểm định quốc tế chứng nhận đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và sức khỏe cộng đồng;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp;
- Tham gia các chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội, cộng đồng.

5. Các rủi ro

- Nguyên liệu sản xuất của Công ty chủ yếu là hàng nhập khẩu vì thế cần một lượng ngoại tệ lớn để thanh toán cho nhà cung cấp. Sự biến động về tỷ giá ngoại tệ tăng cũng như sự khan hiếm ngoại tệ (nếu có) sẽ ảnh hưởng không tốt, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Luật phòng chống tác hại của thuốc lá cùng các chính sách của Nhà nước không khuyến khích sử dụng thuốc lá cũng ảnh hưởng tới sản lượng

thuộc của các nhà máy sản xuất thuốc điều và gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản phẩm sản xuất của Công ty;

- Xung đột Nga – Ukraine và căng thẳng Trung Quốc – Phương Tây, cùng với sự biến động địa chính trị khu vực tại một số nơi trên thế giới đã góp phần đẩy các nền kinh tế lớn đến bờ vực suy thoái, lạm phát gia tăng, dự báo sẽ ảnh hưởng đến thị trường tài chính và tiêu dùng toàn cầu. Những điều này góp lại ảnh hưởng đến nguồn cung cũng như giá nguyên vật liệu nhập khẩu của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh (%)	
				TH2023/TH2022	TH2023/KH2023
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	2.314.853	2.400.000	2.981.432	128,80	124,23
2. Lợi nhuận trước thuế	175.941	140.000	176.075	100,08	125,77
3. Lợi nhuận sau thuế	140.450	112.000	140.365	99,94	125,33

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đạt kết quả như sau: Tổng doanh thu năm 2023 đạt 2.981 tỷ đồng tương ứng 124,23% so với kế hoạch năm và đạt 128,80% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 140,37 tỷ đồng tương ứng 125,33% so với kế hoạch năm và tương đương so với năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Nguyễn Hoàng Minh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch:	Nam 12/10/1980 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam

<ul style="list-style-type: none">+ Trình độ chuyên môn:+ Chức vụ công tác tại Công ty:+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	<p>Cử nhân Kinh tế. Giám đốc, Ủy viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A. 6.710 CP, chiếm 0,03% vốn điều lệ.</p>
<p>2. Ông Võ Đình Văn</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giới tính:+ Ngày tháng năm sinh:+ Nơi sinh:+ Quốc tịch:+ Trình độ chuyên môn:+ Chức vụ công tác tại Công ty:+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	<p>Nam 01/01/1975 Cà Mau Việt Nam Kỹ sư Điện - Điện tử, Thạc sỹ Kỹ thuật. Phó Giám đốc. Không. 3.938 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ.</p>
<p>3. Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giới tính:+ Ngày tháng năm sinh:+ Nơi sinh:+ Quốc tịch:+ Trình độ chuyên môn:+ Chức vụ công tác tại Công ty:+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	<p>Nam 21/07/1982 Hà Nội Việt Nam Kỹ sư Công nghệ in. Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/02/2023). Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A. 150.000 CP, chiếm 0,57% vốn điều lệ.</p>
<p>4. Ông Liêu Phước Tính</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giới tính:+ Ngày tháng năm sinh:+ Nơi sinh:+ Quốc tịch:+ Trình độ chuyên môn:+ Chức vụ công tác tại Công ty:+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác:+ Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	<p>Nam 20/10/1985 Trà Vinh Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Kế toán trưởng. Không. 39 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.</p>

b. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Từ 01/02/2023 Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Công ty.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Cơ cấu CBCNV	Số lượng CBCNV tại 31/12/2023 (người)
1. Trên đại học (Thạc sỹ)	4
2. Đại học	82
3. Cao đẳng	16
4. Trung cấp	40
5. Trung học dạy nghề	67
6. Lao động phổ thông	88
Tổng cộng:	297

- Công ty đã áp dụng Quy chế Phân phối tiền lương, thù lao; Quy chế Phân phối tiền thưởng để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động để giảm bớt giờ làm đem lại hiệu quả cao. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định, mỗi tháng 2 kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.

- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến... được Công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.

- Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động, đào tạo được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm 2023, Công ty tiếp tục triển khai dự án đầu tư mới máy in ống đồng 12 màu tích hợp 02 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút. Cuối năm 2023 nhà sản xuất đã hoàn tất việc đóng gói thiết bị và vận chuyển về Việt Nam, Công ty đã tiến hành tiếp nhận và bố trí lắp đặt thiết bị trong những tháng đầu năm 2024, dự kiến đưa thiết bị vào khai thác sử dụng từ đầu quý 3 năm 2024.

- Dự án đầu tư mới 01 máy ép nhũ tích hợp dập nổi-cắt-bé phẳng tự động được phê duyệt cuối năm 2023, dự kiến dự án sẽ được thực hiện hoàn tất trong năm 2024, kịp thời bổ sung thêm năng lực sản xuất cho Công ty.

- Dự án góp vốn thành lập Công ty liên doanh sản xuất bao bì của Công ty được quyết định thành lập và đi vào hoạt động vào đầu năm 2024, mở ra hướng phát triển mới về sản xuất các sản phẩm bao bì ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

- Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.

b. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
+ Tổng giá trị tài sản	1.385.113.013.339	1.566.793.217.359	13,12
+ Doanh thu thuần	2.304.869.186.924	2.970.830.028.691	28,89
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	174.699.199.680	175.540.867.275	0,48
+ Lợi nhuận khác	1.241.387.556	533.918.381	-56,99
+ Lợi nhuận trước thuế	175.940.587.236	176.074.785.656	0,08
+ Lợi nhuận sau thuế	140.450.356.519	140.365.487.304	-0,06
+ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	46,65%	65,35%	40,09

(*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức thực hiện năm 2022 là 25%/vốn điều lệ (25% cổ tức đợt cuối năm 2021), Cổ tức thực hiện năm 2023 là 35%/vốn điều lệ (35% cổ tức năm 2022).

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Mã số 100/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	2,47	2,10	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Mã số (100-140)/310) Bảng cân đối kế toán	Lần	0,58	0,52	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	39,24	44,12	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	64,57	78,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,25	2,49	
+ Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,89	2,01	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,09	4,72	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,69	16,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,14	8,96	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,58	5,91	

- Khả năng thanh toán ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của Công ty năm 2023 đạt 2,10 lần và lớn hơn 1 cho thấy Công ty vẫn đáp ứng tốt khả năng thanh toán ngắn hạn.

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần năm 2023 đạt 5,91%.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần tại 31/12/2023:

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu phổ thông: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: - cổ phiếu.
- + Cổ phiếu được chuyển nhượng tự do: 26.207.583 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: - cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Cơ cấu cổ đông:

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại 31/01/2024:

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	698	25.534.084	97,43%
1	Cổ đông lớn (> 5%)	2	15.038.620	57,38%
2	Công đoàn	1	7.177	0,03%
3	Cổ đông khác	695	10.488.287	40,02%
	Người nội bộ Công ty	7	213.585	0,81%
	Cá nhân	678	9.206.848	35,13%
	Tổ chức trong nước	10	1.067.854	4,08%
II.	Nước ngoài	80	673.499	2,57%
1	Cá nhân	63	205.904	0,79%
2	Tổ chức	17	467.595	1,78%
	Tổng cộng	778	26.207.583	100,00%

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	Số 30, Phố Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	13.366.080	51,00%
2	Cty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Khu CN Vĩnh Lộc, Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, HCM	1.672.540	6,38%
	Tổng cộng		15.038.620	57,38%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**6.1. Tác động đến môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không phát thải các khí nhà kính (hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC...).
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không sử dụng các thiết bị phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm.

- Trong năm 2023 Công ty sử dụng 30.375 tấn nguyên vật liệu chính để đưa vào sản xuất, trong đó: Giấy các loại 17.704 tấn; sợi tow các loại 8.569 tấn; mực các loại 361 tấn; và các nguyên vật liệu chính khác 3.741 tấn.
- Các nguyên vật liệu được Công ty sử dụng đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia, có trang bị máy phát điện chạy bằng dầu diesel dự phòng khi cúp điện và sử dụng dầu diesel cho một số xe nâng hàng với điện năng tiêu thụ năm 2023 là 9.505.869 KWh và dầu diesel 27.200 lít.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong năm 2023 Công ty tiết kiệm được 39.907 KWh điện năng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã thực hiện trong năm 2023	
Nội dung giải pháp	Kết quả tiết kiệm (KWh/năm)
Thay thế máy nén khí có hiệu suất thấp bằng máy nén khí có hiệu suất cao sử dụng biến tần tiết kiệm điện.	14.167
Lắp đặt biến tần điều khiển tốc độ quạt thổi, quạt hút điều cho các máy sản xuất cây đầu lọc.	25.740
Tổng cộng	39.907

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Công ty sử dụng nguồn nước thủy cục được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2.

- Lượng nước trong năm 2023 Công ty đã sử dụng là 19.940 m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không lần.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 là 297 người với mức lương vị trí công việc trung bình trong năm 2023 đạt 12.691.377 đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Với quan điểm nhân lực là một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định sự thành công của Công ty, vì vậy Công ty liên tục thực hiện các giải pháp để cải thiện môi trường làm việc nhằm bảo đảm an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi cho người lao động như: Lương, thưởng, trợ cấp ốm đau, thai sản, hiếu, hi. Thực hiện các loại bảo hiểm theo luật định; mua bảo hiểm tai nạn 24/24; khám sức khỏe định kỳ; tổ chức bữa ăn giữa ca; chăm lo các chế độ bồi dưỡng bổ sung, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.

- Công ty luôn chú trọng và khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty như Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên người lao động; các phong trào thi đua; các phong trào thể thao, văn nghệ...

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong năm 2023, Công ty thực hiện đào tạo tại đơn vị và bên ngoài đơn vị với tổng số giờ đào tạo bên ngoài là 1.034 giờ /năm, trung bình thời gian đào tạo các kỹ năng bên ngoài dành cho một người là 12,6 giờ. Đối tượng đào tạo gồm cán bộ quản lý, chuyên viên, nhân viên và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Bắt đầu từ năm 2023, Công ty tập trung đào tạo nội bộ theo Bộ Chương trình đào tạo đã xây dựng cho các vị trí công việc.

- Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đầy đủ nhân lực cho hoạt động.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty tiếp tục duy trì tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng, chuyên môn phù hợp với tình hình, điều kiện hoạt động của Công ty để hỗ trợ người lao động đảm bảo làm việc hiệu quả và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Cũng như hàng năm, Công ty luôn có những chương trình hỗ trợ, đóng góp tài chính cho các hoạt động xã hội, gắn kết sự thành công của Công ty và sự chia sẻ với xã hội.

- Năm 2023, Công ty đã ủng hộ 1,093 tỷ đồng cho các hoạt động công tác xã hội gồm:

➤ Hỗ trợ quà Tết Quý Mão 2023 cho các hộ gia đình nghèo tỉnh Bạc Liêu;

➤ Ủng hộ kinh phí hỗ trợ cho giáo dục tại Huyện An Lão, TP. Hải Phòng;

➤ Ủng hộ chương trình phẫu thuật mắt đục thủy tinh thể cho người nghèo;

➤ Biếu quà cho bệnh nhân nghèo mổ mắt;

➤ Hỗ trợ máy tính bàn cho Trường THPT Long Phước, Tỉnh Đồng Nai;

➤ Đóng góp cho Chương trình Vinataba – Hành trình yêu thương;

➤ Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình công cộng phục vụ sinh hoạt cho Xã Nậm Càn, tỉnh Nghệ An;

➡ Ủng hộ quỹ vì người nghèo, kinh phí cải tạo nâng cấp hạ tầng cơ sở & kinh phí chăm lo tết Giáp Thìn 2024 cho Phường Thạnh Mỹ Lợi, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh (%)	
				TH2023/TH2022	TH2023/KH2023
1. Tổng doanh thu (Bán hàng, TNTC, TN khác)	2.314.853	2.400.000	2.981.432	128,80	124,23
2. Lợi nhuận trước thuế	175.941	140.000	176.075	100,08	125,77
3. Lợi nhuận sau thuế	140.450	112.000	140.365	99,94	125,33
4. Sản lượng tiêu thụ:					
+ Cây đầu lọc (Tr.Cây)	18.200	17.100	20.520	112,75	120,00
+ Giấy sếp các loại (Tấn)	2.419	2.300	2.515	103,97	109,35
+ Nhãn in (Tr.Tờ)	2.452	2.350	2.490	101,55	105,96

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đạt kết quả tốt so với kế hoạch, các chỉ tiêu về tổng doanh thu, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra, và có sự tăng trưởng về tổng doanh thu, cụ thể:

➡ Tổng doanh thu đạt 124,23% kế hoạch; tăng 28,80% so với thực hiện năm 2022.

• Lợi nhuận trước thuế đạt 125,77% kế hoạch; tương đương so với thực hiện năm 2022.

- Năm 2023 là một năm gặp rất nhiều khó khăn khi tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các nền kinh tế lớn suy thoái, lạm phát tăng cao, xung đột giữa Nga-Ukraine diễn biến phức tạp và kéo dài. Ngành thuốc lá nói chung và nội tại Công ty nói riêng cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng nêu trên. Tuy vậy với sự quyết tâm đồng lòng của Ban Giám đốc cùng toàn thể CB-CNV, Công ty đã đạt được những kết quả tương đối tốt trong năm 2023.

- Trong năm 2023, sản lượng tiêu thụ sản phẩm của 03 nhóm sản phẩm cụ thể như sau: nhóm giấy sếp đạt 109% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ; nhóm cây đầu lọc đạt 120% kế hoạch, tăng 13% so với cùng kỳ; nhóm nhãn in đạt 106% so với kế hoạch, tăng 2% so với cùng kỳ.

- Năm 2023 bên cạnh sự biến động mạnh về giá, sản lượng nguyên liệu để sản xuất đầu lọc là acetate tow cung cấp cho khu vực cũng bị thiếu hụt, từ cuối năm 2022 Công ty đã nỗ lực đàm phán cùng với các đối tác để có thể vừa đạt được mức giá hợp lý, vừa đảm bảo được lượng tow cần thiết phục vụ sản xuất cây đầu lọc, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phụ liệu cho các đơn vị sản xuất thuốc lá điều phục vụ cho thị trường nội tiêu và xuất khẩu, qua đó đã giúp cho sản lượng tiêu thụ cây đầu lọc của Công ty tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Đối với nhóm sản phẩm nhãn in và giấy sếp sản lượng tiêu thụ tăng nhẹ do các sản phẩm xuất khẩu của một số đơn vị tăng.

- Công ty vẫn đang tích cực khai thác thị trường nhằm cung cấp thêm các sản phẩm in nội tiêu cho các khách hàng trong nước, đây vẫn là hướng đi chủ yếu của Công ty trong tương lai gần, nhất là khi tình hình bất ổn về kinh tế, chính trị trên thế giới như hiện nay.

- Trong năm 2023, Công ty đã triển khai thêm nhiều mẫu cây đầu lọc than hoạt tính và cũng như đầu lọc capsule cho các đơn vị thuốc lá điều để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đối với sản phẩm có chất lượng tốt và ít độc hại hơn.

- Sản phẩm CLC có tính cạnh tranh cao về giá cả cùng với sự ổn định về chất. Trong năm 2023, bên cạnh việc triển khai nhiều sản phẩm mới cho nhiều đơn vị khách hàng, Công ty cũng đồng thời tập trung cho công tác sản xuất nhằm đáp ứng cho các đơn hàng truyền thống của đơn vị thuốc lá. Việc tập trung vào quá trình sản xuất và ổn định năng lực sản xuất là một phần quan trọng của chiến lược của Công ty để đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, đặc biệt là trong môi trường cạnh tranh hiện tại.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm có những thuận lợi và khó khăn sau:

❖ **Thuận Lợi:**

- Quá trình tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng được kỳ vọng sẽ tạo ra làn sóng hội nhập mạnh mẽ hơn đối với Việt Nam. Đồng thời, góp phần tạo kết nối và hòa nhập, tăng cường khả năng hợp tác với những nền kinh tế trọng điểm, thúc đẩy kích cầu hoạt động giao thương giữa Việt Nam với kinh tế thế giới.

- Lãi suất cho vay của ngân hàng đã được điều chỉnh giảm dần trong năm qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp đẩy mạnh hoạt động sản xuất và dự trữ nguyên liệu đầu vào.

- Các đơn vị thuốc lá điếu đã nỗ lực giữ vững thị phần tiêu thụ, mở rộng thị trường xuất khẩu làm cho sản lượng tiêu thụ sản phẩm phụ liệu của Công ty ổn định trong bối cảnh khó khăn như hiện tại.

- Các chương trình đầu tư trang bị máy móc thiết bị mới của Công ty được triển khai đúng tiến độ, kịp thời bổ sung đưa vào vận hành sản xuất, nguồn lực nhân sự của Công ty cũng đã được chuẩn bị rất tốt, đảm bảo khai thác hiệu quả các thiết bị mới, đáp ứng cho thị trường thuốc lá điếu.

- Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục phát huy tối đa lợi thế công nghệ trong việc nâng cao chất lượng, đa dạng chủng loại, mẫu mã các sản phẩm cây đầu lọc và sản phẩm in. Với sự trang bị máy móc thiết bị chuyên dụng hiện đại cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, Công ty đã phát triển những sản phẩm ở phân khúc thị trường có nhu cầu ngày càng cao, cụ thể Công ty đã ứng dụng sản xuất đầu lọc than hoạt tính và đầu lọc capsule, đầu lọc ghép nối... các loại đầu lọc này cũng phù hợp với lộ trình giảm Tar và Nicotin đối với sản phẩm thuốc lá... đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn đối với sản phẩm phụ liệu có chất lượng tốt và giảm thiểu độc hại, được khẳng định bằng uy tín, chất lượng và giá cả cạnh tranh, linh hoạt.

❖ **Khó khăn:**

- Xung đột Nga – Ukraine và căng thẳng Trung Quốc – Phương Tây, cùng với sự biến động địa chính trị khu vực tại một số nơi trên thế giới đã góp phần đẩy các nền kinh tế lớn đến bờ vực suy thoái, lạm phát gia tăng, dự báo sẽ ảnh hưởng đến thị trường tài chính và tiêu dùng toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nhất định bởi giá cả một số loại vật tư chính tăng vọt do sự gia tăng chi phí năng lượng, sự thiếu hụt nguồn cung từ phía nhà cung cấp, chi phí vận chuyển toàn cầu tăng... đã đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào ở mức cao.

- Kinh tế khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp tăng cao ảnh hưởng tới thu nhập của người tiêu dùng dẫn đến sức mua giảm. Giá mua vào tăng ảnh hưởng tới giá bán qua đó sẽ có nguy cơ kích thích thuốc lá lậu gia tăng gây

ảnh hưởng trực tiếp đến ngành thuốc lá điều trong nước và qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ các sản phẩm phụ liệu do Công ty cung cấp.

- Các sản phẩm thay thế xuất hiện ngày càng nhiều: thuốc lá điện tử, viên ngậm nicotin,.. thu hút số lượng lớn đối tượng người tiêu dùng trẻ thay đổi thói quen từ bỏ thuốc lá truyền thống chuyển sang các sản phẩm hiện đại kể trên.

- Giá xăng dầu trong năm chịu ảnh hưởng của các yếu tố như: căng thẳng ở Trung Đông tiếp tục leo thang, nguồn cung xăng dầu tại Mỹ thắt chặt, kỳ vọng vào sự tăng trưởng tích cực của nền kinh tế Trung Quốc thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ dầu... đã làm cho giá xăng dầu tăng, giảm đan xen.

- Tỷ giá USD đã “tăng nhiệt” trong nửa cuối năm do ảnh hưởng việc tăng lãi suất của FED cũng như các diễn biến bất ổn của kinh tế và địa chính trị trên thế giới.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.452.789	1.340.989	111.800	8,34
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	27.685	24.019	3.666	15,26
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	313.239	259.371	53.868	20,77
IV. Hàng tồn kho	1.094.837	1.026.571	68.266	6,65
V. Tài sản ngắn hạn khác	17.028	31.028	(14.000)	(45,12)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	114.004	44.124	69.880	158,37
I- Các khoản phải thu dài hạn	1.510	1.510	-	-
II. Tài sản cố định	24.863	37.665	(12.802)	(33,99)
III. Tài sản dở dang dài hạn	87.548	11	87.537	795.790,91
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	83	4.938	(4.855)	(98,32)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.566.793	1.385.113	181.680	13,12

Tổng giá trị tài sản cuối năm 2023 đạt 1.566,79 tỷ tăng so với đầu năm 2023 là 13,12% tương ứng 181,68 tỷ, trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 8,34% tương ứng 111,80 tỷ chủ yếu do:
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 20,77% tương ứng 53,87 tỷ chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng 21,21% tương ứng 54,58 tỷ do các khoản công nợ này chưa đến hạn thanh toán và một số khách hàng đang khó khăn về tài chính dẫn đến một số khoản công nợ chưa thu hồi đúng hạn; Trả trước cho người bán giảm 22,64% tương ứng 0,29 tỷ;
 - + Tiền và tương đương tiền tăng 15,26% tương ứng 3,67 tỷ;
 - + Hàng tồn kho tăng 6,65% tương ứng 68,27 tỷ do việc dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất trước tình hình khan hiếm cũng như tăng giá nguyên vật liệu;
 - + Mặt khác tài sản ngắn hạn khác giảm 45,12% tương ứng 14,00 tỷ.
- Tài sản dài hạn tăng 158,37% tương ứng 69,88 tỷ chủ yếu do:
 - + Tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang 87,54 tỷ;
 - + Đầu tư TSCĐ mới làm tăng 5,33 tỷ;
 - + Tăng khấu hao TSCĐ trong năm làm giảm 18,13 tỷ;
 - + Giảm chi phí phụ tùng xuất dùng chờ phân bổ dài hạn 4,85 tỷ.

b. Tình hình nợ phải trả, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng.

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
A - NỢ PHẢI TRẢ	691.196	543.472	147.724	27,18
I. Nợ ngắn hạn	690.690	542.966	147.724	27,21
II. Nợ dài hạn	506	506	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	875.597	841.641	33.956	4,03
I. Vốn chủ sở hữu	875.597	841.641	33.956	4,03
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.566.793	1.385.113	181.680	13,12

- Nợ phải trả tăng 27,18% tương ứng 147,72 tỷ chủ yếu do:
 - + Nợ phải trả ngắn hạn tăng 27,21% tương ứng 147,72 tỷ trong đó: Phải trả người bán tăng 56,53% tương ứng 117,07 tỷ do việc mua hàng dự trữ nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dẫn đến phải trả người bán tăng; Các khoản thuế phải nộp tăng 20,69% tương ứng 1,99 tỷ; Nợ vay ngân hàng tăng 13,28% tương ứng 36,40 tỷ so với đầu năm do việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 0,23 tỷ; Mặt khác các khoản phải trả, phải nộp khác giảm 15,33% tương ứng 7,97 tỷ.

- + Nợ phải trả dài hạn tương đương so với đầu năm 2023.
- Vốn chủ sở hữu tăng 4,03% tương ứng 33,96 tỷ từ việc tích lũy lợi nhuận trong năm 2023 và việc phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận.
- Áp dụng hệ thống quản trị nhân sự tiền lương và dự toán ngân sách trong Công ty.
- Ứng dụng phần mềm ERP trong hoạch định nguồn lực.
- Thực hiện quá trình chuyển đổi số, triển khai đồng bộ số hóa từng bộ phận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Dựa trên những kết quả đạt được trong năm 2023, việc đánh giá phân tích những thuận lợi, khó khăn khả năng sẽ xảy ra trong năm 2024, cũng như căn cứ nhu cầu thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.900.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	155.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	124.000
4	Nộp ngân sách (thuế VAT+TNDN)	Triệu đồng	120.000
5	Sản lượng:		
	Sản xuất và tiêu thụ		
	- Cây đầu lọc (quy đổi)	Triệu cây	19.342
	- Giấy sếp các loại	Tấn	2.465
	- Nhãn in (quy đổi)	Triệu tờ	2.380

- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 được xây dựng trên cơ sở dự báo tăng, giảm chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng khách hàng cụ thể, đồng thời có tính đến sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá, lãi suất tiền vay..., sự điều chỉnh giá bán phù hợp với biến động của chi phí đầu vào và sự cạnh tranh của thị trường. Doanh thu giảm khoảng 3% so với thực hiện năm 2023 do dự kiến sản lượng giảm (ước sản lượng tiêu thụ năm 2024 giảm do

tình hình xuất khẩu trực tiếp của Công ty hiện đang bị cạnh tranh bởi các đối thủ trong khu vực, bên cạnh đó các sản phẩm xuất khẩu qua kênh gián tiếp cũng không đảm bảo được sự liên tục). Tuy nhiên Công ty sẽ điều chỉnh giảm giá một số mặt hàng để hài hòa lợi ích giữa Công ty và Khách hàng; lợi nhuận giảm gần 12% do sản lượng và doanh thu dự kiến giảm, giá cả nguyên liệu hàng hóa đầu vào đều ở mức cao nhất trong nhiều năm qua cùng với việc chi phí khấu hao tài sản cố định tăng lên do dự kiến đưa vào sử dụng Máy in ống đồng 12 màu và Máy ép nhũ tích hợp dập nổi-cắt-bé phẳng tự động được đầu tư mới từ quý 2 năm 2024.

Phương hướng và giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2024:

Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra phương pháp giải quyết tối ưu nhất trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức quản lý sản xuất khoa học, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên liệu trong quá trình sản xuất, đồng thời điều chỉnh giá thành sản phẩm hợp lý nhất khi có biến động thị trường.

- Tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi số, triển khai đồng bộ số hóa từng bộ phận, ưu tiên thực hiện chuyển đổi số ở các Phân xưởng sản xuất, là bộ phận trực tiếp tham gia tạo giá trị gia tăng cho Công ty. Trong đó, các quy trình nhập liệu thủ công truyền thống sẽ được chuyển thành dạng kỹ thuật số, xây dựng hệ thống tự động hóa, tối ưu trong việc truy xuất, phân tích và quản trị dữ liệu.

- Tiếp tục ổn định và duy trì sản lượng đầu ra cung cấp cho các đơn vị thuộc lá điệu trong Tổng công ty. Đồng thời Công ty luôn nỗ lực tăng cường mở rộng thị trường hướng đến các đơn vị thuộc lá điệu bên ngoài Tổng công ty và các đơn vị liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như BAT, Philip Moris,... với phương châm luôn tạo niềm tin với tất cả các khách hàng dù lớn hay nhỏ, sự phát triển của khách hàng cũng là sự phát triển của CLC.

- Theo dõi tiến độ công tác đầu tư trang bị máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất phục vụ thị trường về các dòng sản phẩm mới trong thời gian tới.

- Công ty sẽ tiếp tục tập trung vào mảng phát triển công nghệ, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH&CN để sản xuất ra các sản phẩm mới theo yêu cầu của khách hàng như: nghiên cứu việc sử dụng mực UV, mực in công nghệ chống giả trong sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm in; nghiên cứu sử dụng các dung môi trong sản xuất in theo hướng đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; nghiên cứu sử dụng

các nguyên liệu mới cho máy sản xuất cây đầu lọc theo hướng áp dụng cho các sản phẩm thuốc lá giảm Tar-Nicotin và cây đầu lọc có tầm hương.

- Về Tài chính – Kế toán và Kiểm tra, Kiểm soát: Đa dạng nguồn huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất cạnh tranh nhằm đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện chi phí tài chính của Công ty. Tiếp tục phát huy cao hơn nữa trong công tác thu hồi công nợ đạt hiệu quả thu nợ, tránh nợ tồn đọng, nợ khó đòi. Đàm phán với khách hàng nhằm đạt được các ưu đãi về điều kiện và thời hạn thanh toán. Thực hiện tốt công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát các chi phí thực hiện so với kế hoạch và đưa ra biện pháp khắc phục, kịp thời phát hiện và cảnh báo các biến động của các chi phí.

- Kế hoạch cung ứng vật tư: Đàm phán ký kết hợp đồng mua bán nguyên vật liệu dài hạn với số lượng, chất lượng phù hợp và giá cả hợp lý nhất nhằm đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cân đối và dự trữ vật tư tồn kho hợp lý đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất, đồng thời vẫn có một lượng dự trữ nhất định dự phòng biến động trong năm.

- Nguồn nhân lực: Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo để nâng cao năng lực quản lý và tay nghề cho người lao động. Thực hiện chế độ đãi ngộ, khen thưởng xứng đáng, tạo động lực nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường, lấy tăng năng suất lao động là cơ sở để tăng lương; phân phối tiền lương năm 2024 dựa trên kết quả lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong Công ty.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Tình hình tiêu thụ nước cao hơn năm trước (19.940 m³ năm 2023/ 17.909 m³ năm 2022). Năm 2023 Công ty sản xuất bình thường, quy mô Công ty không có sự thay đổi lớn.

- Tình hình sử dụng năng lượng ổn định, gồm 2 loại: Điện năng và dầu diesel. Công ty luôn giám sát và thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm tiêu thụ điện năng, tiết kiệm nước trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Các nguồn thải không độc hại, được giám sát định kỳ theo đúng chương trình quan trắc đã được phê duyệt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng đảm bảo thu nhập cho người lao động. Đánh giá hiệu quả công việc qua việc thỏa thuận KPI của vị trí công việc.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn trên địa bàn.

- Với cộng đồng địa phương Công ty thực hiện đúng quy định về chất thải của pháp luật môi trường, không gây tiếng ồn cũng như nguồn nước thải đúng tiêu chuẩn quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2023, được đánh giá, đề cập tại mục II của báo cáo, cụ thể:

- Về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Về tổ chức nhân sự: Nhân sự Ban điều hành có sự thay đổi được đề cập tại mục II.2, mục V.1.a, mục V.2.a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty ổn định, không có nhiều biến động.

- Về tình hình đầu tư:

☛ Luôn được Công ty xem xét phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty trong trung và dài hạn. Các dự án đầu tư của Công ty được thực hiện đúng tiến độ và luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước.

☛ Sau quá trình nghiên cứu hợp tác đầu tư để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, Hội đồng quản trị đã quyết định phê duyệt dự án góp vốn thành lập Công ty liên doanh với vốn điều lệ ban đầu 12 tỷ đồng (Công ty cổ phần Cát Lợi góp 50% vốn) để sản xuất bao bì mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm bao bì ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau không chỉ riêng bao bì ngành thuốc lá. Công ty liên doanh với tên gọi Công ty TNHH Bao Bì C&A đã

được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và bắt đầu hoạt động từ tháng 01/2024. Đây là một sự kiện được ghi nhận, đánh dấu bước đầu việc thực hiện định hướng mở rộng phát triển trong trung dài hạn của Công ty.

- Về tình hình tài chính: Tài chính của Công ty minh bạch và lành mạnh.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.
- Cơ cấu cổ đông: Ít biến động, không có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông lớn.
- Cung cấp thông tin cho cổ đông: Luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước, chấp hành đầy đủ các quy định của các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường, thực hiện việc quản lý chặt chẽ nguồn vật tư, nguyên liệu sản xuất không làm ảnh hưởng đến môi trường. Các phế liệu, phế phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất được Công ty phân loại theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có chuyên môn phù hợp với từng loại chất thải để thu hồi và xử lý. Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội hỗ trợ cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về thị trường, giá cả vật tư hàng hóa tăng cao, tỷ giá tăng đột biến..., xong Công ty vẫn đạt được những kết quả khả quan, với những kết quả Công ty đã đạt được, qua giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2023, như sau:

- Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho;
- Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế nội bộ đã được Hội đồng quản trị ban hành trong điều hành sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đến từng các cán bộ quản lý, phòng ban và thực hiện nghiêm túc các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Công ty đối với khách hàng;
- Tổ chức, giám sát quá trình sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên liệu trong sản xuất;

- Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc, đảm bảo ổn định thu nhập của người lao động. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty;
- Triển khai áp dụng số hóa số liệu sản xuất hiệu quả tại Phân xưởng, ứng dụng hệ thống quản trị tiên tiến về hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, từ đó giúp công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hiệu quả;
- Công ty đã thực hiện vận hành hiệu quả hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động;
- Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, thực hiện đúng, kịp thời Quy chế về công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, tham dự các cuộc họp...
- Đặc biệt Hội đồng quản trị đánh giá cao sự quyết tâm và hoàn thành việc triển khai dự án góp vốn thành lập Công ty liên doanh để sản xuất bao bì, mở ra hướng phát triển mới về thị trường bao bì ở nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau không chỉ riêng bao bì ngành thuốc lá.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị tiếp tục tuân thủ các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty được đề cập tại Mục I.4 của báo cáo để thực hiện.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban Giám đốc để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra đồng thời Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát công ty trong việc sau:
 - + Triển khai hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - + Tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định nội bộ. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật của Nhà nước về các chế độ chính sách;
 - + Nghiên cứu, đầu tư công nghệ mới để tăng năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường sản phẩm.
 - + Nghiên cứu mở rộng lĩnh vực hợp tác kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu quản trị theo thông lệ quản trị tiên tiến và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới để phù hợp với nhu cầu khách hàng và ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Đặc biệt thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực để đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Ông Châu Tuấn + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 13/01/1964 Thái Nguyên Việt Nam Đại học. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Hòa Việt. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh	Như trên (Thông tin như phần II.2.a)
3. Ông Nguyễn Đức Hanh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 01/01/1974 TP. Hồ Chí Minh Việt Nam Kỹ sư Chế tạo máy, Cử nhân Quản lý Công nghiệp. Ủy viên Hội đồng quản trị. Không. 22.830 CP, chiếm 0,09% vốn điều lệ.

4. Bà Lê Diễm Anh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 28/06/1979 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Hóa Thực phẩm. Ủy viên Hội đồng quản trị. Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư - Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
5. Ông Đỗ Ngọc Quang + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 18/08/1973 Phú Thọ Việt Nam Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Quản lý Xã hội. Ủy viên Hội đồng quản trị. Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long; Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Cổ phiếu đại diện sở hữu:

+ Ông Châu Tuấn đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 8.124.480 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hoàng Minh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Đức Hạnh đại diện sở hữu cổ phiếu cho Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam số lượng 2.620.800 cổ phiếu, chiếm 10% vốn điều lệ.

+ Bà Lê Diễm Anh đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn số lượng 1.672.540 cổ phiếu, chiếm 6,38% vốn điều lệ.

- Cơ cấu Thành viên Hội đồng quản trị:

+ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm 03 thành viên: Ông

Châu Tuấn, Bà Lê Diễm Anh và Ông Đỗ Ngọc Quang.

+ Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 02 thành viên: Ông Nguyễn Hoàng Minh, Ông Nguyễn Đức Hanh.

+ Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Ông Đỗ Ngọc Quang.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành 14 cuộc họp (bao gồm xin ý kiến bằng văn bản) và ban hành 22 Nghị quyết sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	49/NQ-CPCL	30/01/2023	Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/02/2023; Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022.
2	50/NQ-CPCL	30/01/2023	Thông qua quyết toán chi phí thị trường năm 2022; Thông qua quyết toán chi phí thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới năm 2022; Thông qua quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2022; Thông qua quyết toán 02 khoản mục chi phí quản lý năm 2022; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 4 năm 2022 và Kế hoạch hoạt động quý 1 năm 2023 của Ban Kiểm soát nội bộ.
3	156/NQ-CPCL	20/03/2023	Thống nhất nội dung các báo cáo tổng kết của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Thống nhất thông qua Báo cáo thường niên năm 2022; Thống nhất nội dung Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Thống nhất thông qua việc đầu tư Tài sản cố định để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh; Chấp thuận cho Công ty tiến hành thủ tục điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty; Thống nhất thông qua việc cử các bộ đi công tác.

4	157/NQ-CPCL	20/03/2023	Thông nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Thông nhất thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
5	252/NQ-CPCL	26/04/2023	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua dự thảo các tài liệu để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét, quyết định thông qua; Hội đồng quản trị nhất trí chấp thuận đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhân sự Ban Kiểm soát.
6	253/NQ-CPCL	26/04/2023	Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả SXKD quý 1 năm 2023; Thông qua Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2023; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 1 năm 2023, Kế hoạch hoạt động quý 2 năm 2023 của Ban Kiểm soát nội bộ.
7	301/NQ-CPCL	25/05/2023	Thông nhất thông qua ngày chốt danh sách cổ đông, thanh toán cổ tức đợt cuối năm 2022.
8	366/NQ-CPCL	19/06/2023	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh là đơn vị để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.
9	458/NQ-CPCL	02/08/2023	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
10	497/NQ-CPCL	17/08/2023	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 2 năm 2023, Kế hoạch hoạt động quý 3 năm 2023 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua Báo cáo thực hiện kết quả SXKD quý 2 năm 2023; Thông qua Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2023.
11	554/NQ-CPCL	15/09/2023	Thông nhất thông qua chủ trương đầu tư Dự án góp vốn thành lập công ty liên doanh; Giao Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc đầu tư theo đúng quy định.
12	555/NQ-	15/09	Thông nhất thông qua Báo cáo kết quả SXKD

	CPCL	/2023	ước 9 tháng đầu năm 2023, kế hoạch SXKD quý 4 năm 2023; Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư trang bị máy móc thiết bị mới; Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư cải tạo hệ thống điều hòa nhiệt độ và hệ trần ở Phân xưởng Cây đầu lọc.
13	586/NQ-CPCL	05/10/2023	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài; Thông qua cho thôi việc cán bộ theo nguyện vọng và chấm dứt Hợp đồng lao động với Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ.
14	596/NQ-CPCL	10/10/2023	Thông qua việc phê duyệt Dự án đầu tư trang bị máy móc thiết bị.
15	618/NQ-CPCL	03/11/2023	Thông qua việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài;
16	644/NQ-CPCL	16/11/2023	Thông nhất thông qua Dự án đầu tư góp vốn thành lập công ty liên doanh.
17	645/NQ-CPCL	16/11/2023	Thông nhất thông qua thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán Dự án đầu tư trang bị máy móc thiết bị; Thông qua việc điều động và bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua Báo cáo hoạt động kiểm soát nội bộ quý 3 năm 2023, Kế hoạch hoạt động quý 4 năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát nội bộ; Thông qua dự toán ngân sách Công ty năm 2024; Thông qua chính sách chiết khấu thanh toán năm 2024.
18	748/NQ-CPCL	21/12/2023	Thông qua hạn mức tín dụng với Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Hồ Chí Minh.
19	749/NQ-CPCL	21/12/2023	Thông qua việc chấp thuận Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty được ký kết các hợp đồng mua, bán hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổ chức có liên quan của Ông Đỗ Ngọc Quang là Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng. Giá trị mỗi hợp đồng và giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty

			ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Thời gian thực hiện ký kết các hợp đồng: trong năm 2024.
20	750/NQ-CPCL	21/12/2023	Thông qua việc cử Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cát Lợi tại Công ty TNHH Bao bì C&A; Thông qua việc giới thiệu nhân sự Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bao bì C&A; Hội đồng quản trị giao Giám đốc Công ty cổ phần Cát Lợi tổ chức triển khai việc cử Người đại diện tại Công ty TNHH Bao bì C&A, giới thiệu để bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hay thay thế các Nhân sự Chủ chốt tại Công ty TNHH Bao bì C&A theo Hợp đồng liên doanh, Điều lệ liên doanh.
21	751/NQ-CPCL	21/12/2023	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới Quy chế Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cát Lợi tại doanh nghiệp khác.
22	783/NQ-CPCL	28/12/2023	Thông qua nội dung Dự thảo Quy chế Hoạt động của Công ty TNHH Bao bì C&A kèm theo Báo cáo của Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cát Lợi tại Công ty TNHH Bao bì C&A; Người đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Cát Lợi tại Công ty TNHH Bao bì C&A căn cứ nội dung được Hội đồng quản trị phê duyệt để biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bao bì C&A.

d. Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty có 01 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã chỉ đạo, giám sát và tư vấn cho Hội đồng quản trị để hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và tham gia các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; tham gia đóng góp ý kiến và biểu quyết các nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị một cách độc lập, khách quan.

e. Kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức quản lý và giám sát hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp hoặc thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm tập trung chỉ đạo, giám sát và hoàn thành các công việc sau:

- Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Chỉ đạo và giám sát Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh; kế hoạch ngân sách; tài chính; đầu tư; cán bộ quản lý; hệ thống quản trị Công ty;...
- Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ;
- Chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc thực hiện quyền đối với cổ đông gồm: công bố thông tin cho cổ đông kịp thời và đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn chỉ đạo, giám sát Công ty trong việc tuân thủ các quy định về chính sách pháp luật, bảo vệ môi trường; quan tâm đến đời sống, thu nhập, phúc lợi, môi trường làm việc của người lao động; khuyến khích, ủng hộ Công ty tài trợ kinh phí cho các hoạt động xã hội, cộng đồng.

f. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Không.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1. Bà Trần Thị Ánh + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 05/10/1977 Hà Nam Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Trưởng Ban Kiểm soát. Không. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
2. Đỗ Thu Hà + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nữ 07/10/1975 Hà Nội Việt Nam Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật. Ủy viên Ban Kiểm soát. Phó Ban Tài chính - Kế toán - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
3. Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam + Giới tính: + Ngày tháng năm sinh: + Nơi sinh: + Quốc tịch: + Trình độ chuyên môn: + Chức vụ công tác tại Công ty: + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: + Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu:	Nam 20/08/1984 Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam Cử nhân Kinh tế. Ủy viên Ban Kiểm soát. Chuyên viên Ban Kiểm tra - Kiểm soát - Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. 0 CP, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Ghi chú:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 25/05/2023 đã miễn nhiệm và bầu lại Bà Trần Thị Ánh vào Ban Kiểm soát Công ty.

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát 2023:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty, thực hiện các công việc khác theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước tại Công ty trong công tác hạch toán kế toán, quản lý tài chính, đầu tư, kiểm kê, chi phí, hợp đồng mua bán nguyên phụ liệu, công nợ...
- Kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty.
- Làm việc và lập báo cáo hàng quý, đồng thời có gửi báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, báo cáo có phân tích so sánh và kiến nghị một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài chính và các công tác khác.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty theo thư mời.
- Tham dự các cuộc họp sản xuất trong tháng và các cuộc họp đột xuất khác của Công ty.
- Tham gia ý kiến trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty.

Ban Kiểm soát họp trong năm và thực hiện kiểm tra giám sát theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, cụ thể như sau:

- Ngày 02/02/2023; Ban Kiểm soát lập Báo cáo hoạt động năm của Ban & Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.
- Ngày 16/03/2023; Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Ngày 18/03/2023; Ban Kiểm soát lập Báo cáo năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Ngày 27/04/2023; Kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 1 năm 2023, lập Báo cáo của Ban Kiểm soát & triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát thông qua kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

- Ngày 25/05/2023; Ban Kiểm soát họp kỳ 1/2023 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát quý 2 năm 2023.
- Ngày 25 và 26/07/2023; Ban Kiểm soát tiến hành chọn mẫu kiểm tra tình hình thực hiện các hợp đồng mua bán nguyên vật liệu, công cụ lao động, phụ tùng thay thế, tình hình công nợ, tiêu thụ sản phẩm, chi phí 6 tháng đầu năm 2023 và tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2023.
- Ngày 26/07/2023; Ban Kiểm soát họp kỳ 2/2023 với nội dung triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các khoản mục chi phí công nợ, thế chấp vay vốn Ngân hàng và soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.
- Ngày 26/10/2023; Ban Kiểm soát tiến hành kiểm tra soát xét Báo cáo tài chính quý 3 năm 2023 và lập Báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Ngày 04 và 05/12/2023; Ban Kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư, danh mục tài sản, các quy chế của Công ty và các khoản mục chi phí đến T10/2023.
- Ngày 05/12/2023; Ban Kiểm soát họp kỳ 3/2023 nội dung xem xét các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, soát xét một số quy chế, quy định của Công ty và triển khai giám sát quý 4 năm 2023.
- Trưởng Ban tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ.
- Ngoài các cuộc họp trên, Trưởng Ban tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc và các lãnh đạo phòng ban về kết quả sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm của Công ty... Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên trao đổi những thông tin qua điện thoại, email tới các Thành viên trong Ban về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Các hoạt động phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có Ban Kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển sang Ban Kiểm soát để Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Giám đốc.
- Thường xuyên phối hợp cùng với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban,

các cổ đông trong cũng như ngoài Công ty như hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, dự kiến chia cổ tức, chuẩn bị tổ chức Đại hội... để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra.

- Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, cũng như việc tuân thủ Điều lệ, quy chế trong hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của từng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2023:**

Đơn vị tính đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT	303.349.800	122.802.000	426.151.800
2	Nguyễn Hoàng Minh	Ủy viên, Giám đốc	1.574.586.712	98.241.000	1.672.827.712
3	Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên	1.079.367.629	81.867.000	1.161.234.629
4	Lê Diễm Anh	Ủy viên	307.443.300	81.867.000	389.310.300
5	Đỗ Ngọc Quang	Ủy viên	277.441.000	47.756.000	325.197.000
6	Lê Thành Trung	Nguyên Ủy viên	-	30.699.900	30.699.900
Tổng cộng			3.542.188.441	463.232.900	4.005.421.341
BAN KIỂM SOÁT					
S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Trần Thị Ánh	Trưởng BKS	1.005.528.542	32.747.000	1.038.275.542

2	Đỗ Thu Hà	Ủy viên	226.692.700	16.373.000	243.065.700
3	Nguyễn Bắc Tiến Nam	Ủy viên	215.314.900	9.551.000	224.865.900
4	Huỳnh Nam	Nguyên Ủy viên	-	3.683.700	3.683.700
Tổng cộng			1.447.536.142	62.354.700	1.509.890.842
BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG					
S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao và các lợi ích khác	Thưởng BQL điều hành	Tổng thu nhập sau thuế
1	Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc	Như trên	Như trên	Như trên
2	Võ Đình Văn	Phó Giám đốc	1.090.552.351	75.045.000	1.165.597.351
3	Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc	897.885.693	-	897.885.693
4	Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng	987.705.894	32.747.000	1.020.452.894
Tổng cộng			2.976.143.938	107.792.000	3.083.935.938

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Thị Bích Chi	Người liên quan của Ông Châu Tuấn (Chủ tịch HĐQT)	28.077	0,11%	20.477	0,08%	Mua, bán theo nhu cầu tài chính cá nhân
2	Cù Thị Kim Ngãi	Người liên quan của Ông Cù Mạnh Đạt (Người phụ trách quản trị Công ty)	2.754	0,01%	3.054	0,01%	Mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Các cổ đông nội bộ không có bất kỳ hợp đồng giao dịch cá nhân nào với Công ty. Các giao dịch, hợp đồng mua bán giữa Công ty với các bên liên quan được thể hiện trong Báo cáo tài chính của Công ty được đính kèm.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo quy định của Nhà nước.

VI. Báo cáo tài chính**1. Ý kiến kiểm toán**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 11/03/2024, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

- Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

- Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 10/03/2023.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm).

Trân trọng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

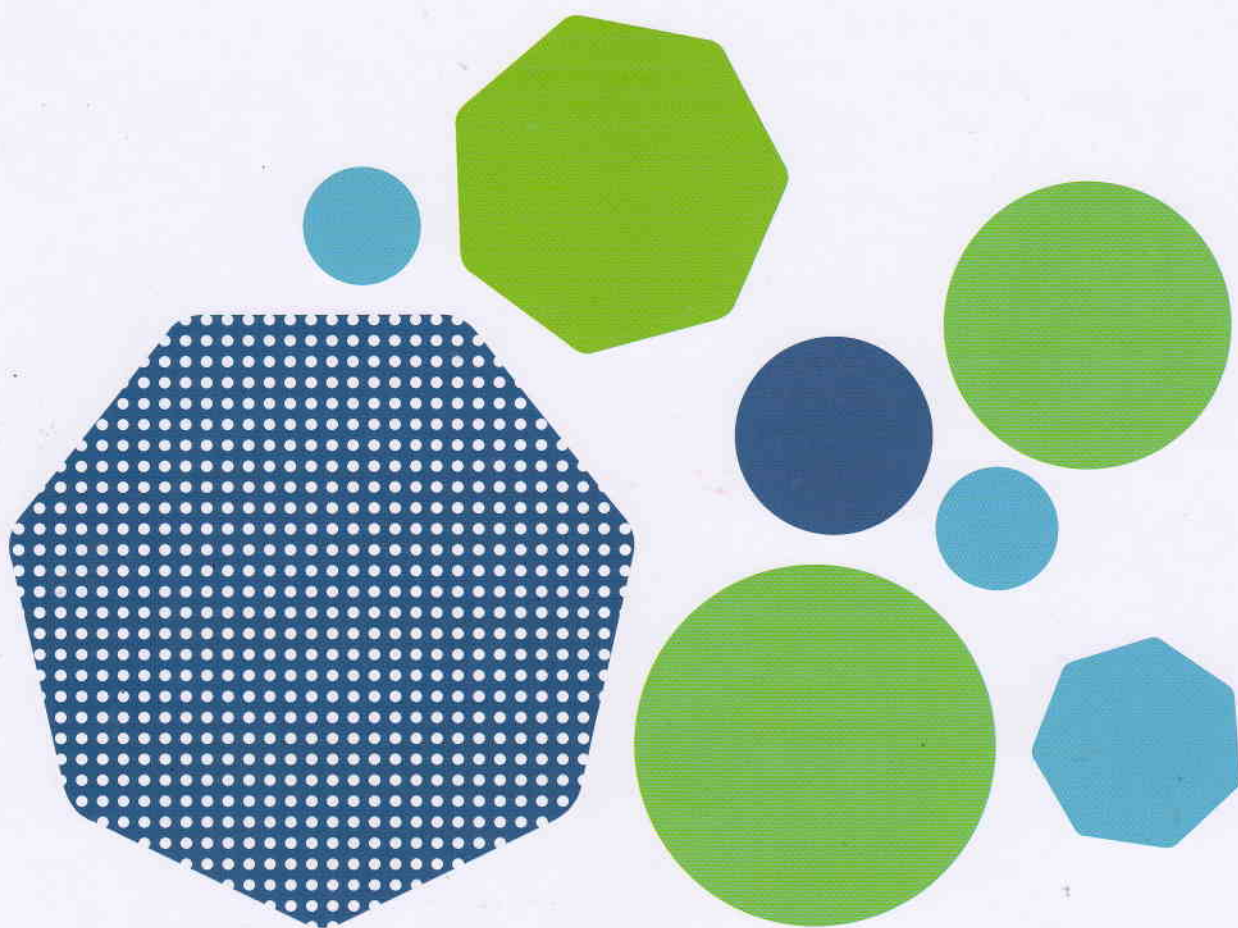
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Châu Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 38



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xí nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các Cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng;
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Châu Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm lại từ ngày 25/05/2023
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Minh	Giám đốc
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc

Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2023 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Minh - Giám đốc Công ty.

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Liêu Phước Tính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC


Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Hoàng Minh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024



Số. 003 /2024/UHYHCM-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cát Lợi

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Cát Lợi, được lập ngày 11 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cát Lợi tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 10/03/2023.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số
1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Hà Thị Thanh Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 4707-2024-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.452.788.973.105	1.340.988.754.015
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.684.777.127	24.018.704.684
Tiền	111		27.684.777.127	24.018.704.684
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		313.239.003.133	259.371.060.565
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	311.890.357.472	257.307.643.774
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		993.429.720	1.284.200.850
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	355.215.941	779.215.941
Hàng tồn kho	140	8	1.094.837.436.546	1.026.571.466.827
Hàng tồn kho	141		1.094.837.436.546	1.026.571.466.827
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.027.756.299	31.027.521.939
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	7.346.053.357	11.986.125.255
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.760.352.044	19.041.396.684
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	921.350.898	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114.004.244.254	44.124.259.324
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.510.230.000	1.510.230.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.510.230.000	1.510.230.000
Tài sản cố định	220		24.862.420.765	37.665.053.405
Tài sản cố định hữu hình	221	9	20.344.089.632	33.502.272.845
- Nguyên giá	222		746.854.610.466	742.586.216.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(726.510.520.834)	(709.083.943.932)
Tài sản cố định vô hình	227	10	4.518.331.133	4.162.780.560
- Nguyên giá	228		19.874.199.299	18.817.074.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.355.868.166)	(14.654.293.739)
Tài sản dở dang dài hạn	240		87.548.356.984	10.785.185
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	87.548.356.984	10.785.185
Tài sản dài hạn khác	260		83.236.505	4.938.190.734
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	83.236.505	4.938.190.734
TỔNG TÀI SẢN	270		1.566.793.217.359	1.385.113.013.339

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		691.195.896.843	543.472.403.975
Nợ ngắn hạn	310		690.689.901.761	542.966.408.893
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	324.172.424.145	207.098.187.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.616.077.217	9.624.527.024
Phải trả người lao động	314		27.132.041.280	37.331.365.536
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	524.348.157	294.633.750
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	45.739.660	67.387.843
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	310.376.852.783	273.980.062.371
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.822.418.519	14.570.244.730
Nợ dài hạn	330		505.995.082	505.995.082
Phải trả dài hạn khác	337	16	505.995.082	505.995.082
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		875.597.320.516	841.640.609.364
Vốn chủ sở hữu	410	18	875.597.320.516	841.640.609.364
Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.075.830.000	262.075.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		64.847.400.000	64.847.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		323.138.546.696	289.096.966.329
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		225.535.543.820	225.620.413.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.170.056.516	85.170.056.516
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		140.365.487.304	140.450.356.519
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.566.793.217.359	1.385.113.013.339

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.970.911.732.676	2.304.869.186.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	81.703.985	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.970.830.028.691	2.304.869.186.924
Giá vốn hàng bán	11	22	2.639.172.829.355	1.989.917.569.384
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		331.657.199.336	314.951.617.540
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.068.368.647	8.605.163.599
Chi phí tài chính	22	24	53.790.625.095	39.063.592.393
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.511.794.861	7.851.964.653
Chi phí bán hàng	25	25	33.976.048.564	31.695.752.718
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	78.418.027.049	78.098.236.348
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		175.540.867.275	174.699.199.680
Thu nhập khác	31	26	533.918.381	1.378.657.128
Chi phí khác	32	27	-	137.269.572
Lợi nhuận khác	40		533.918.381	1.241.387.556
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		176.074.785.656	175.940.587.236
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	35.709.298.352	35.490.230.717
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		140.365.487.304	140.450.356.519
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.820	4.799
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	4.820	4.799

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		176.074.785.656	175.940.587.236
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.444.063.529	34.522.302.223
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(222.471.833)	(2.383.690.200)
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05		(397.865.611)	(157.672.852)
Chi phí lãi vay	06		20.511.794.861	7.851.964.653
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		215.410.306.602	215.773.491.060
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(44.410.650.902)	(75.605.082.959)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(68.265.969.719)	(284.254.184.613)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.269.142.469	105.623.175.503
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		9.495.026.127	1.003.672.127
Tiền lãi vay đã trả	14		(20.282.080.454)	(7.690.284.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(33.398.509.250)	(36.105.707.924)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		28.100.000	2.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(12.458.161.863)	(13.487.702.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.387.203.010	(94.740.123.628)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.790.291.148)	(40.090.065.106)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		244.835.185	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		153.030.426	157.672.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.392.425.537)	(39.932.392.254)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.803.298.894.629	850.188.462.320
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.766.902.104.217)	(687.962.650.751)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(91.726.540.500)	(65.518.957.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55.329.750.088)	96.706.854.069
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.665.027.385	(37.965.661.813)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	24.018.704.684	61.971.518.986
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.045.058	12.847.511
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	27.684.777.127	24.018.704.684

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Đức Huy

Liêu Phước Tính



Nguyễn Hoàng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cát Lợi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Xi nghiệp In Bao bì và Phụ liệu Thuốc lá theo Quyết định số 184/2003/QĐ-BCN ngày 13/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 0303185504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2021 (đăng ký lần đầu ngày 19/02/2004).

Vốn điều lệ của Công ty là 262.075.830.000 đồng chia thành 26.207.583 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam nắm giữ 13.366.080 cổ phần tương ứng 133.660.800.000 đồng, chiếm 51% vốn điều lệ; các cổ đông khác nắm giữ 12.841.503 cổ phần tương ứng 128.415.030.000 đồng, chiếm 49% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại 934D2 Đường D, Khu Công Nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 64/UBCKGPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã cổ phiếu là: CLC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 304 người và tại ngày 01/01/2023 là 321 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán vật tư phục vụ Công nghiệp;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), giấy, màng BO-PP, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị cơ khí, nguyên liệu sản xuất đầu lọc thuốc lá;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất đầu lọc thuốc lá.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bao bì thuốc lá và đầu lọc thuốc lá. Theo đó giá thị trường biến động của các sản phẩm trên sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các nhà sản xuất cùng ngành ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại mục số 29 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT- BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá ngoại tệ áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.6 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc, thiết bị	2,5 - 18
- Phương tiện vận tải	3 - 11
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 12

4.7 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty được giao trong thời hạn 50 năm. Quyền sử dụng đất này được trích khấu hao trong 32 năm theo hướng dẫn tại Công văn số 10603 TC/PC ngày 20 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình khác được xác định thời gian khấu hao từ 2 đến 20 năm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phần mềm và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí phần mềm, nhà lưu trú tạm thời. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh chi phí lãi vay trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có các nghĩa vụ về nợ phải trả hiện tại và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu. Khi nhà đầu tư góp vốn bằng ngoại tệ theo tiến độ, Công ty sẽ áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp để quy đổi ra Đồng Việt Nam và ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần (nếu có).

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chi tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Vốn khác của Chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (khi các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn:

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

4.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận được phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.17 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất phổ thông (20%) tính trên thu nhập chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.18 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, các Công ty liên doanh và các Công ty liên kết của Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	785.825.000	686.209.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.898.952.127	23.332.495.684
Cộng	27.684.777.127	24.018.704.684

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	311.890.357.472	257.307.643.774
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	111.629.031.264	94.056.252.518
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	68.051.811.584	48.516.112.167
- Đối tượng khác	132.209.514.624	114.735.279.089
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)	277.838.504.963	233.094.800.643

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	355.215.941	-	779.215.941	-
- Tạm ứng	67.000.000	-	440.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	285.700.000	-	336.700.000	-
- Phải thu khác	2.515.941	-	2.515.941	-
Dài hạn	1.510.230.000	-	1.510.230.000	-
- Ký cược, ký quỹ (**)	1.510.230.000	-	1.510.230.000	-
Cộng	1.865.445.941	-	2.289.445.941	-

(*) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê xe nâng là 268.000.000 đồng và các khoản đặt cọc khác (taxi, thuê chỗ để xe) là 17.700.000 đồng.

(**) Đây là khoản ký cược, ký quỹ gồm đặt cọc thuê kho là 1.500.000.000 đồng và đặt cọc thuê máy photocopy là 10.230.000 đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	83.587.040.314	-	37.370.483.198	-
Nguyên liệu, vật liệu	928.913.678.364	-	903.885.942.180	-
Công cụ, dụng cụ	27.129.091	-	10.517.273	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.385.674	-	67.296.050	-
Thành phẩm	82.151.822.243	-	85.237.228.126	-
Hàng hóa	117.380.860	-	-	-
Cộng	1.094.837.436.546	-	1.026.571.466.827	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2023	32.588.631.570	688.487.848.629	14.950.831.059	6.558.905.519	742.586.216.777
- Mua trong năm	-	2.548.796.671	2.296.104.218	739.405.000	5.584.305.889
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.315.912.200)	-	(1.315.912.200)
Tại 31/12/2023	32.588.631.570	691.036.645.300	15.931.023.077	7.298.310.519	746.854.610.466
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2023	(30.496.393.670)	(658.409.830.909)	(13.618.813.834)	(6.558.905.519)	(709.083.943.932)
- Khấu hao trong năm	(457.871.148)	(16.808.935.486)	(1.409.376.914)	(66.305.554)	(18.742.489.102)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.315.912.200	-	1.315.912.200
Tại 31/12/2023	(30.954.264.818)	(675.218.766.395)	(13.712.278.548)	(6.625.211.073)	(726.510.520.834)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2023	2.092.237.900	30.078.017.720	1.332.017.225	-	33.502.272.845
Tại 31/12/2023	1.634.366.752	15.817.878.905	2.218.744.529	673.099.446	20.344.089.632

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 693.226.334.295 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 690.822.174.594 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là: 29.995.474.738 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 29.995.474.738 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là: 646.243.087 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 818.574.577 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	15.502.607.589	3.314.466.710	18.817.074.299
- Mua trong năm	-	1.057.125.000	1.057.125.000
Tại 31/12/2023	<u>15.502.607.589</u>	<u>4.371.591.710</u>	<u>19.874.199.299</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2023	(11.592.710.364)	(3.061.583.375)	(14.654.293.739)
- Khấu hao trong năm	(350.140.050)	(351.434.377)	(701.574.427)
Tại 31/12/2023	<u>(11.942.850.414)</u>	<u>(3.413.017.752)</u>	<u>(15.355.868.166)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	<u>3.909.897.225</u>	<u>252.883.335</u>	<u>4.162.780.560</u>
Tại 31/12/2023	<u>3.559.757.175</u>	<u>958.573.958</u>	<u>4.518.331.133</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 2.914.066.710 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 2.626.066.710 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là: 15.502.607.589 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 15.502.607.589 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp, cầm cố vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là: 3.559.757.175 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.909.897.225 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản cố định		
- Máy in ống đồng 12 màu tích hợp 2 cụm sấy UV, tốc độ 250 mét/phút, mới 100%	87.547.756.984	10.785.185
- Máy ép nhũ tích hợp dập nổi - cắt - bế phẳng tự động, mới 100%	600.000	-
Cộng	<u>87.548.356.984</u>	<u>10.785.185</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.928.638.834	10.088.063.836
- Chi phí khác	2.417.414.523	1.898.061.419
Dài hạn	83.236.505	4.938.190.734
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4.323.395.848
- Chi phí khác	83.236.505	614.794.886

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	324.172.424.145	324.172.424.145	207.098.187.639	207.098.187.639
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	85.888.513.017	85.888.513.017	70.376.182.079	70.376.182.079
- Công ty TNHH Bao bì giấy nhôm New Toyo	22.871.441.577	22.871.441.577	24.366.458.831	24.366.458.831
- Công ty Nomura Trading	59.424.385.997	59.424.385.997	18.312.094.067	18.312.094.067
- Công ty Dcm Usimeca	51.957.729.056	51.957.729.056	908.375.135	908.375.135
- Công ty Dr.Franz Feurstein Gmbh	44.079.071.427	44.079.071.427	43.674.957.979	43.674.957.979
- Các khoản phải trả người bán khác	59.951.283.071	59.951.283.071	49.460.119.548	49.460.119.548
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)	92.002.689.642	92.002.689.642	77.296.771.658	77.296.771.658

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2023		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế và các khoản phải nộp, phải thu	9.624.527.024	-	161.881.737.127	160.811.537.832	11.616.077.217	921.350.898
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	94.546.227.650	94.546.227.650	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	19.313.915.830	19.313.915.830	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.305.288.115	-	35.709.298.352	33.398.509.250	11.616.077.217	-
- Thuế thu nhập cá nhân	319.238.909	-	11.120.988.190	12.361.577.997	-	921.350.898
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	24.366.218	24.366.218	-	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	1.163.940.887	1.163.940.887	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	524.348.157	294.633.750
Cộng	524.348.157	294.633.750

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	45.739.660	67.387.843
- Kinh phí công đoàn	45.739.660	46.324.460
- Tạm thu tiền thuế TNCN	-	19.063.383
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	2.000.000
b) Dài hạn	505.995.082	505.995.082
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	505.995.082	505.995.082
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	551.734.742	573.382.925

(*) Là các khoản nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng mái nhà xưởng để lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	310.376.852.783	310.376.852.783	1.803.298.894.629	1.766.902.104.217	273.980.062.371	273.980.062.371
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tp. Hồ Chí Minh (1)	164.174.033.437	164.174.033.437	1.197.558.635.012	1.292.245.370.739	258.860.769.164	258.860.769.164
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Bank - CN Tp. Hồ Chí Minh (2)	75.699.501.529	75.699.501.529	181.015.916.313	120.435.707.991	15.119.293.207	15.119.293.207
- Ngân hàng TNHH CTBC - CN Tp. Hồ Chí Minh (3)	70.503.317.817	70.503.317.817	424.724.343.304	354.221.025.487	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	310.376.852.783	310.376.852.783	1.803.298.894.629	1.766.902.104.217	273.980.062.371	273.980.062.371

(1) Khoản vay từ Hợp đồng cấp tín dụng số 0005/2328/N-CTD ngày 19/01/2023 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 600 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký. Thời hạn khoản vay tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 27, địa chỉ tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hệ thống nhà văn phòng, nhà xưởng và các công trình gắn liền với đất tại 934 D2, Đường D, Khu Công nghiệp Cát Lái (Cụm 2), Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay từ Hợp đồng tín dụng số BC_HĐTĐ/CATLOI_01/20130925 ngày 14/10/2013, được gia hạn bởi phụ lục gia hạn – sửa đổi bổ sung số BC_HĐTĐ/CATLOI_01/20130925_PL2023 ngày 13/10/2023 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 80 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng cho đến ngày 14/10/2024. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (3) Khoản vay từ Thư tín dụng số STVN92-19 ngày 29/05/2019 với hạn mức tín dụng tối đa được cấp là 5.000.000 Đô la Mỹ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản tín dụng sẽ được tự động gia hạn sau 12 tháng trừ khi vào thời điểm đó khoản tín dụng bị Ngân hàng hủy bỏ. Thời hạn cho vay tối đa không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp khoản phải thu tại Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2),
P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	51,00%	133.660.800.000	133.660.800.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	6,38%	16.725.400.000	16.725.400.000
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	4,07%	10.676.080.000	10.676.080.000
Cổ đông khác	38,55%	101.013.550.000	101.013.550.000
Cộng	100%	262.075.830.000	262.075.830.000

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.075.830.000	262.075.830.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.075.830.000	262.075.830.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	91.726.540.500	65.518.957.500

18.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.207.583	26.207.583
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.207.583	26.207.583
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18.4 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	323.138.546.696	289.096.966.329
Cộng	323.138.546.696	289.096.966.329

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**18.5 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	262.075.830.000	64.847.400.000	259.463.164.801	194.383.297.992	780.769.692.793
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.450.356.519	140.450.356.519
- Phân phối lợi nhuận năm 2021 (*)	-	-	29.633.801.528	(109.213.241.476)	(79.579.439.948)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	29.633.801.528	(29.633.801.528)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(13.542.082.448)	(13.542.082.448)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(518.400.000)	(518.400.000)
+ Chia cổ tức còn lại năm 2021 (25%)	-	-	-	(65.518.957.500)	(65.518.957.500)
Tại 31/12/2022	262.075.830.000	64.847.400.000	289.096.966.329	225.620.413.035	841.640.609.364
Tại 01/01/2023	262.075.830.000	64.847.400.000	289.096.966.329	225.620.413.035	841.640.609.364
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	140.365.487.304	140.365.487.304
- Phân phối lợi nhuận năm 2022 (**)	-	-	34.041.580.367	(140.450.356.519)	(106.408.776.152)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	34.041.580.367	(34.041.580.367)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.045.035.652)	(14.045.035.652)
+ Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(637.200.000)	(637.200.000)
+ Chia cổ tức năm 2022 (35%)	-	-	-	(91.726.540.500)	(91.726.540.500)
Tại 31/12/2023	262.075.830.000	64.847.400.000	323.138.546.696	225.535.543.820	875.597.320.516

(*) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 272/NQ-CPCL ngày 26 tháng 05 năm 2022.

(**) Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và đã trả cổ tức bằng tiền theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25 tháng 05 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Tại 31/12/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
a) Tài sản thuê ngoài (VND)	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	5.841.190.085	1.817.572.651
c) Ngoại tệ các loại:		
- USD	3.988,14	34.494,08
- EUR	1.182,73	10.586,02
- GBP	99,95	106,55
- JPY	21.989,00	23.441,00

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.970.911.732.676	2.304.869.186.924
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	2.940.235.816.821	2.281.733.543.953
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	9.668.695.127	3.194.154.879
Doanh thu gia công, chế biến	789.951.393	840.085.740
Doanh thu phế liệu thu hồi	18.928.597.124	17.866.410.573
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.288.672.211	1.234.991.779
Cộng	2.970.911.732.676	2.304.869.186.924
b) Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết kèm theo thuyết minh số 31)	2.626.560.843.391	2.045.356.589.555

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng bán bị trả lại	81.703.985	-
Cộng	81.703.985	-

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm	2.610.187.210.380	1.967.680.600.623
Giá vốn của vật tư, hàng hóa	8.904.900.855	2.974.063.821
Giá vốn gia công chế biến	323.444.315	621.498.118
Giá vốn phế liệu thu hồi	18.928.597.124	17.866.410.573
Giá vốn của dịch vụ khác	828.676.681	774.996.249
Cộng	2.639.172.829.355	1.989.917.569.384

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	153.030.426	157.672.852
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.692.866.388	6.063.800.547
Lãi do đánh giá lại số dư cuối năm	222.471.833	2.383.690.200
Cộng	10.068.368.647	8.605.163.599

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	20.511.794.861	7.851.964.653
Chiết khấu thanh toán	26.299.506.241	21.200.311.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.979.323.993	10.011.315.750
Cộng	53.790.625.095	39.063.592.393

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng</i>	33.976.048.564	31.695.752.718
Quảng cáo, thị trường	983.947.628	897.528.754
Cước vận chuyển, bốc xếp	32.545.294.688	30.519.606.839
Chi phí vật liệu bao bì	65.705.309	59.895.726
Chi phí khác bằng tiền	381.100.939	218.721.399
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	78.418.027.049	78.098.236.348
Chi phí nhân viên quản lý	54.950.468.181	55.500.724.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.742.065.126	1.264.132.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.665.316.446	4.749.060.258
Chi phí khác bằng tiền	16.060.177.296	16.584.319.016

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	244.835.185	-
Thu nhập từ phế liệu thu hồi	131.500.000	1.217.664.000
Thu nhập khác	157.583.196	160.993.128
Cộng	533.918.381	1.378.657.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí khác bằng tiền	-	137.269.572
Cộng	-	137.269.572

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.074.785.656	175.940.587.236
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	2.471.706.103	1.510.566.351
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.471.706.103	1.510.566.351
+ Các khoản chi phí không được trừ	2.466.661.027	1.510.566.351
+ Lỗi đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm khoản mục tiền, phải thu	5.045.076	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	178.546.491.759	177.451.153.587
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.709.298.352	35.490.230.717

29. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	140.365.487.304	140.450.356.519
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	140.365.487.304	140.450.356.519
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(14.036.548.730)	(14.682.235.652)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	26.207.583	26.207.583
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	4.820	4.799
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	4.820	4.799

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được xác định theo kế hoạch trích lập các quỹ được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25/05/2023.

Ngoài ra, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 299/NQ-CPCL ngày 25/05/2023. Do đó, Công ty trình bày lại số liệu so sánh cho năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12/2023 nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. LÃI CƠ BẢN VÀ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

	Mã số	Năm 2022 Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2022 Số trình bày lại VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)		140.450.356.519	-	140.450.356.519
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)		14.045.035.652	637.200.000	14.682.235.652
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	29	4.823	(24)	4.799

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.444.695.571.317	1.807.878.605.978
Chi phí nhân công	129.067.888.770	132.936.271.430
Khấu hao tài sản cố định	19.444.063.529	34.522.302.223
Chi phí dự phòng sửa chữa lớn	5.556.129.106	7.858.635.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.196.969.104	57.068.302.822
Chi phí bằng tiền khác	54.555.230.570	45.050.264.050
Cộng	2.714.515.852.396	2.085.314.381.764

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	Công ty thành viên phụ thuộc TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đà Nẵng	Công ty con của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long
Công ty TNHH Sản Xuất Kính Doanh Bao Bì Carton Gấp Nếp Vina Toyo	Công ty liên doanh của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	Công ty con của TCT Thuốc lá Việt Nam
Ông Châu Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Ngọc Quang	Thành viên HĐQT
Bà Lê Diễm Anh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Hanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Võ Đình Văn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Ánh	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Liêu Phước Tính	Kế toán trưởng

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	2.626.560.843.391	2.045.356.589.555
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	1.235.659.219.278	1.039.647.107.206
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	603.969.727.844	457.210.358.250
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	132.487.650.256	61.732.927.041
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	109.482.103.941	47.913.251.765
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	68.167.006.408	24.602.718.844
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	80.858.985.107	55.851.775.816
- Công ty TNHH Vinataba-Philip Morris	69.203.338.015	60.287.481.783
- Công ty TNHH Liên doanh VINA-BAT	70.484.783.291	47.876.911.293
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	82.095.986.598	90.285.162.103
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	69.688.266.824	53.069.559.161
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	61.160.735.289	45.432.690.701
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	31.873.941.784	55.902.211.650
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	9.823.483.963	3.896.106.185
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.347.557.643	1.380.235.740
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	201.600.000	192.000.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	56.457.150	76.092.017
Mua hàng, dịch vụ (chưa VAT) với các bên liên quan là thành viên Công ty mẹ	1.066.869.132.221	666.021.127.166
- Công ty Xuất nhập khẩu Thuốc lá	993.351.219.095	571.175.756.865
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	39.746.657.553	62.443.451.860
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	32.134.936.864	30.037.246.759
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	730.044.819	741.632.832
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hóa	394.451.210	482.360.080
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	469.217.680	477.305.160
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	38.510.000	41.070.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	4.095.000	-
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	-	608.020.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	-	14.283.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)</u>	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác từ bên liên quan	157.583.196	138.993.128
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	157.583.196	138.993.128
Chiết khấu thanh toán cho bên liên quan	26.299.506.241	21.200.311.990
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	19.912.419.884	16.243.005.093
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	6.387.086.357	4.957.306.897
Cổ tức trả trong năm	91.726.540.500	65.518.957.500
- Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	46.781.280.000	33.415.200.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	5.853.890.000	4.181.350.000
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	3.736.628.000	2.669.020.000
- Cổ đông khác	35.354.742.500	25.253.387.500
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	277.838.504.963	233.094.800.643
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn	111.629.031.264	94.056.252.518
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	68.051.811.584	48.516.112.167
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long	17.442.166.455	15.002.138.592
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bắc Sơn	8.431.987.482	12.379.502.833
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Đồng Tháp	8.700.223.111	3.318.325.111
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá An Giang	12.979.937.460	11.188.821.581
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Long An	9.202.608.566	11.075.379.505
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thanh Hoá	13.185.244.951	7.043.801.703
- Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	6.668.593.822	5.149.709.320
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre	11.252.271.984	17.135.406.472
- Công ty TNHH Liên Doanh VINA - BAT	7.581.986.701	4.586.125.485
- Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	-	2.921.341.383
- Công ty TNHH Thuốc lá Đà Nẵng	2.633.994.655	594.283.392
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	78.646.928	127.600.581
Các khoản phải trả cho người bán	92.002.689.642	77.296.771.658
- Công ty Xuất Nhập Khẩu Thuốc lá	85.888.513.017	70.376.182.079
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Bao bì Carton Gấp nếp Vina Toyo	1.785.913.726	3.519.841.403
- Chi nhánh Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam - Công ty Thương mại Miền Nam	3.527.596.477	2.999.871.229
- Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long	800.666.422	400.876.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Thu nhập của HĐQT, BKS, BGD và</u> <u>Kế toán trưởng</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
- Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc	7.594.817.099	6.297.955.299
Ông Châu Tuấn Chủ tịch	453.502.000	361.055.444
Ông Đỗ Ngọc Quang Thành viên	361.330.000	147.419.667
Bà Lê Diễm Anh Thành viên	412.567.000	365.100.889
Ông Nguyễn Đức Hạnh Thành viên	1.570.516.037	1.420.838.674
Ông Nguyễn Hoàng Minh Thành viên, Giám đốc	2.278.048.471	2.058.100.425
Ông Võ Đình Văn Phó Giám đốc	1.431.863.591	1.146.469.200
Ông Nguyễn Lê Toàn Thắng Phó Giám đốc	1.086.990.000	798.971.000
- Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	2.957.868.532	2.552.088.170
Bà Trần Thị Ánh Trưởng ban	1.243.703.715	1.132.788.657
Ông Nguyễn Bắc Tiến Nam Thành viên	249.851.000	109.198.000
Bà Đỗ Thu Hà Thành viên	270.073.000	246.252.222
Ông Liêu Phước Tính Kế toán trưởng	1.194.240.817	1.063.849.291
Cộng	10.552.685.631	8.850.043.469

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Cây đầu lọc, in nhãn tút, giấy sếp, lưới gà và sản phẩm khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban Giám đốc ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2023	Cây đầu lọc VND	In nhãn tút VND	Giấy sếp, Lưới gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.929.592.197.881	679.230.152.865	331.227.416.090	30.780.261.855	2.970.830.028.691
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.857.898.281.464	635.562.569.759	272.699.312.551	28.595.079.261	2.794.755.243.035
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.693.916.417	43.667.583.106	58.528.103.539	2.185.182.594	176.074.785.656
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.298.328.000	1.403.574.130	-	3.939.528.759	6.641.430.889
Tài sản không phân bổ					1.566.793.217.359
Tổng tài sản					1.566.793.217.359
Nợ phải trả không phân bổ					691.195.896.843
Tổng nợ phải trả					691.195.896.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁT LỢI

934 D2, Đường D, KCN Cát Lái (cụm 2), P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2022	Cây đầu lọc VND	In nhãn nút VND	Giấy sáp, Lưới gà VND	Sản phẩm khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.301.119.608.047	683.842.040.114	296.771.895.792	23.135.642.971	2.304.869.186.924
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.203.575.490.729	663.542.715.440	240.770.320.706	21.040.072.813	2.128.928.599.688
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	97.544.117.318	20.299.324.674	56.001.575.086	2.095.570.158	175.940.587.236
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	37.310.766.629	194.000.000	1.700.533.475	1.128.733.599	40.334.033.703
Tài sản không phân bổ					1.385.113.013.339
Tổng tài sản					1.385.113.013.339
Nợ phải trả không phân bổ					543.472.403.975
Tổng nợ phải trả					543.472.403.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CÁC THÔNG TIN KHÁC

33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 08/NQ-CPCL ngày 08/01/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cát Lợi đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền theo tỷ lệ 15%/vốn điều lệ, tương đương 39.311.374.500 đồng, theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/01/2024, ngày thanh toán 28/02/2024.

Ngoài ra, không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

33.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như không bị buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

34. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại như được nêu tại mục số 29 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2024

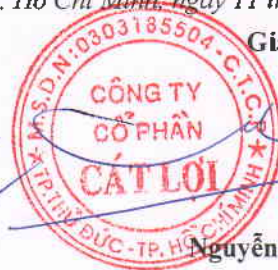
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Đức Huy


Liêu Phước Tính




Nguyễn Hoàng Minh

